

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Dương Thị Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Th - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Phòng xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị Th; Sinh năm 1991; Nơi cư trú: Bản V, xã C, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh Lò Văn L; Sinh năm 1988; Nơi cư trú: Bản V, xã C, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

(Chị Th có mặt, anh L vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/3/2021, lời khai trong bản tự khai ngày 12/4/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lò Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh L đăng ký kết hôn ngày 19/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị Th và anh L kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị Th và anh L chung sống hạnh phúc được đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L nghiện ma túy và

mang tài sản của nhà đi bán dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Sau khi phát sinh mâu thuẫn giữa chị Th và anh L đã sống ly thân một thời gian sau đó quay lại sống chung vì anh L cam kết cai nghiện ma túy. Thời gian quay về đoàn tụ anh L vẫn không hề thay đổi. Đến nay chị Th xác định không còn tình cảm với anh L nên không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa, vì vậy chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn L.

Về con chung: Chị Th khai, chị và anh L có hai con chung là Lò Mạnh Th, sinh ngày 12/8/2013 và cháu Lò Quang V, sinh ngày 17/6/2018. Hiện tại cháu Th và cháu V đang sống cùng với chị và gia đình tại Bản V, xã C, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Th muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị Th khai, chị và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Lò Văn L.

Tại lời khai trong bản tự khai ngày 12/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lò Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn L công nhận anh và chị Th đăng ký kết hôn ngày 19/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Anh L và chị Th kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Anh L khai và cũng thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bản thân nghiện chất ma túy, hai bên gia đình đã khuyên bảo tôi cai nghiện, bản thân tôi cũng có cam kết với gia đình để cai nghiện. Từ khi chị Th nộp đơn đến Tòa án xin ly hôn giữa anh và chị Th không còn tình cảm và sự quan tâm đến nhau như trước. Bản thân anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Th nên chị Th xin ly hôn anh L không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh L cũng thừa nhận, anh và chị Th có hai con chung là Lò Mạnh Th, sinh ngày 12/8/2013 và cháu Lò Quang V, sinh ngày 17/6/2018. Khi ly hôn anh L đề nghị Tòa án giao cháu Th cho anh nuôi dưỡng, còn cháu V giao cho chị Th. Mỗi bên nuôi một con nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Anh L khai, anh và chị Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 08/4/2021 Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung của chị Th và anh L tại bản V, xã C, huyện TG. Ông L1 (Trưởng bản V) và bà Lò Thị B (Chi hội phụ nữ bản V) đều cho biết: Anh L và chị Th chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L nghiện ma túy, anh L được vợ con và gia đình cai nghiện cho nhưng anh L không cai được. Anh L thường xuyên đi làm xa nhà, có tiền chi tiêu cho bản thân không hỗ trợ cùng vợ để nuôi con nên từ đó dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Anh

L và chị Th có hai con chung là Lò Mạnh Th, sinh ngày 12/8/2013 và cháu Lò Quang V, sinh ngày 17/6/2018. Hai cháu hiện tại đang ở cùng chị Th, được chị Th cho đi học đầy đủ. Chị Th có nhà ở, nghề nghiệp là giáo viên có thu nhập ổn định là 8.000.000đ/ tháng nên có điều kiện ổn định và thời gian chăm sóc cho các con nhiều hơn anh L. Ngoài ra ông L1 và bà B không cho biết gì thêm.

Ngày 12/4/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh L và chị Th đều có mặt để tham gia phiên họp và hòa giải. Anh L và chị Th không có ý kiến gì về chứng cứ Tòa án thu thập và các chứng cứ nguyên đơn giao nộp. Tại phiên hòa giải lần 1 và lần 2 anh L và chị Th đều vẫn giữ nguyên quan điểm không thay đổi, do vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngày 26/4/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; ngày 12/5/2021 mở phiên tòa và đã Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐST – HNGĐ, ngày 12/5/2021 để đảm bảo quyền lợi cho anh L. Tuy nhiên đến phiên tòa lần thứ hai anh L vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Việc anh L cố tình không chấp hành giấy báo, giấy triệu tập không có mặt tại phiên tòa và được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền của mình khi tham gia tố tụng nên Tòa án nhân dân huyện TG vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Chị Th có mặt tại phiên tòa, tại phiên tòa chị Th cung cấp bảng lương có xác nhận của Trường tiểu học Bình Minh nơi chị Th công tác. Tại phiên tòa chị bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa án chia khoản nợ chung 50.000.000đ mà chị Th và anh L vay Ngân hàng chính sách huyện TG.

Anh L vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014:* chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th; *Về con chung căn cứ các Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014:* Giao cháu Lò Mạnh Th, sinh ngày 12/8/2013 và cháu Lò Quang V, sinh ngày 17/6/2018 cho chị Lò Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con; *Về quan hệ tài sản:* Anh L, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn đối với yêu cầu bổ sung của chị Th đề nghị Tòa án chia khoản nợ 50.000.000đ vay Ngân hàng chính sách huyện TG là vượt quá yêu cầu khởi kiện nên không chấp nhận; *Về án phí căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện về việc nguyên đơn chị Lò Thị Th xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lò Văn L và các tài liệu chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Lò Văn L có hộ khẩu thường trú tại bản V, xã C, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Th và anh L kết hôn năm 2012, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ngày 31/5/2021 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án. Bị đơn anh Lò Văn L vắng mặt lần 2 không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh L kết hôn ngày 19/01/2012, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Chị Th và anh L đều khai nhận hai vợ chồng kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 9, Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quan hệ hôn nhân của chị Th và anh L là hợp pháp.

Chị Th có đơn xin ly hôn với anh L là do anh L nghiện ma túy và mang tài sản của nhà đi bán dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bản thân anh L có cam kết với gia đình cai nghiện ma túy nhưng anh L không cai được. Anh L không nhất trí ly hôn với chị Th vì vẫn còn tình cảm với chị Th, bản thân anh L cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do anh L nghiện chất ma túy, hai bên gia đình đã khuyên bảo và bản thân anh L cũng đã có cam kết với gia đình để cai nghiện ma túy. Tại thời điểm tòa án cho anh L viết bản tự khai, anh L có khai khoảng 2 tuần nay đã cai được nghiện, nhưng lời khai của anh L không đem lại sự tin tưởng của chị Th để chị Th quay về tiếp tục chung sống với anh L. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 08/4/2021 chính quyền địa phương cũng thừa nhận cuộc sống hôn nhân giữa anh L và chị Th có phát sinh mâu thuẫn do anh L nghiện ma túy, anh L cũng đã được vợ con và gia đình cai nghiện nhưng không cai được. Anh L thường xuyên đi làm xa nhà, có tiền chi tiêu cho bản thân không hỗ trợ cùng vợ để nuôi. Chị Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh L. Mặt khác trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án và qua hai lần hòa giải giữa chị Th và anh L cũng không có biện pháp để có thể hàn gắn lại tình cảm, vợ chồng không còn sự

quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Th xin ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh L.

[6]. Về con chung: Chị Th và anh L có hai con chung là Lò Mạnh Th, sinh ngày 12/8/2013 và cháu Lò Quang V, sinh ngày 17/6/2018. Hiện tại các cháu đang ở cùng chị Th và gia đình tại bản V, xã C, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng ly hôn anh L có nguyện vọng nuôi cháu Th, còn cháu V giao cho chị Th nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con, **anh L cũng khai bản thân đi làm thuê có mức thu nhập một tháng từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ đủ để sinh hoạt của bản thân anh L, còn việc nuôi dưỡng cháu Th thì còn khó khăn.** Chị Th có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Th và cháu V, không yêu cầu anh L cấp dưỡng, chị Th đã cung cấp cho Toà án văn bản xác nhận nguồn thu nhập ổn định mỗi tháng là 8.000.000đ đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con chung. Tại các biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi con ngày 08/4/2021 chính quyền địa phương cũng xác nhận cháu Th và cháu V hiện tại đang ở cùng chị Th, được chị Th cho đi học đầy đủ. Chị Th có nhà ở, nghề nghiệp là giáo viên có thu nhập ổn định là 8.000.000đ/ tháng **nên có điều kiện ổn định và thời gian chăm sóc cho các con nhiều hơn anh L.** Tại đơn nguyện vọng ngày 11/3/2021 cháu Th có nguyện vọng xin được ở với chị Th, vì chị Th có điều kiện chăm sóc, quan tâm cháu. Cháu V mặc dù chưa đủ tuổi lấy ý kiến, nguyện vọng của cháu nhưng từ thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cháu V vẫn ở với chị Th, chị Th cũng là người thường xuyên chăm sóc cho cháu. Hội đồng xét xử nhận thấy Th và anh L đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung, để giành được quyền nuôi con, cha mẹ phải chứng minh mình có đủ các điều kiện kinh tế và tinh thần để tạo cho con môi trường phát triển tốt nhất về mọi mặt, chị Th có xác nhận về mức thu nhập ổn định, hiện tại chị Th ở cùng gia đình tại bản V, xã C, huyện TG cũng được coi là có nơi ở ổn định, Trường học nơi chị Th công tác cũng tại xã C do đó sẽ có thời gian chăm sóc cháu Th và cháu V nhiều hơn anh L. Đối với anh L ngoài lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì không đưa ra được chứng cứ để chứng minh điều kiện nuôi con của mình, bản thân anh L có sử dụng ma túy, thường xuyên đi làm xa nên việc giao cháu Th cho anh L sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của con chung. Đó đó xét đề nghị của chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu V, phù hợp với những ý kiến đánh giá và đề nghị của chính quyền địa phương. Nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Th và cháu V, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Th và cháu V cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Anh L không đề nghị Toà án giải quyết. Đối với chị Th theo đơn khởi kiện chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại phiên tòa chị bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa án chia khoản

nợ chung 50.000.000đ mà chị và anh L vay Ngân hàng chính sách huyện TG là vượt quá phạm vi khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu trên của chị Th sẽ được giải quyết trong vụ án khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận xem xét trong vụ án này.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chị Th phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, tuy nhiên chị Th là người dân tộc thiểu số cư trú tại bản V, xã C, huyện TG, tỉnh Điện Biên thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Th được miễn án phí DSST.

[9]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Lò Thị Th được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn L.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lò Mạnh Th, sinh ngày 12/8/2013 và cháu Lò Quang V, sinh ngày 17/6/2018 cho chị Lò Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lò Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Lò Văn L lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Lò Thị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lò Văn L.

Vì lợi ích của các con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Th và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/5/2021). Anh Lò Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Hiếu

